

Số: 01/2015/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 12 tháng 02 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
**Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Điều lệ Sáng kiến
trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ về ban hành Điều lệ sáng kiến;

Căn cứ Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01/8/2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến được ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học - Công nghệ và Trưởng Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Điều lệ Sáng kiến trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 34/2011/QĐ-UBND ngày 04/11/2011 của UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VB – Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các PVP UBND tỉnh;
- Báo Hà Tĩnh, Đài PTTH tỉnh;
- Các Phòng, Trung tâm VP/UB;
- Lưu VT-VX

Gửi: VB giấy + điện tử

để b/c

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Kim Cự

QUY ĐỊNH

Chi tiết và hướng dẫn thi hành Điều lệ Sáng kiến trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh
(Ban hành kèm theo Quyết định số 01-/2015/QĐ-UBND ngày 12/01/2015
của UBND tỉnh Hà Tĩnh)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

1. Quy định này quy định chi tiết về sáng kiến và các điều kiện, thủ tục công nhận sáng kiến; thẩm quyền và trình tự xét, công nhận sáng kiến; quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư tạo ra sáng kiến; nghĩa vụ trả thù lao cho tác giả sáng kiến và người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu; quyền của tác giả sáng kiến; các biện pháp quản lý và hỗ trợ hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

2. Quy định này áp dụng đối với các tập thể, cá nhân trong cơ quan Đảng, đoàn thể; cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp; các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế và người lao động; các tổ chức, cá nhân trong tỉnh và ngoài tỉnh có hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Giải thích từ ngữ.

1. Các thuật ngữ liên quan đến sáng kiến được quy định cụ thể tại Điều 2 của Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ.

2. “Chủ đầu tư tạo ra sáng kiến” là cơ quan, tổ chức, cá nhân đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật dưới hình thức giao việc, thuê việc hoặc các hình thức khác cho tác giả để tạo ra sáng kiến. Tác giả sáng kiến đồng thời là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến nếu không có cơ quan, tổ chức, cá nhân nào giao việc, thuê việc hoặc đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật cho tác giả để tạo ra sáng kiến đó.

Điều 3. Sáng kiến.

Tiêu chuẩn để được gọi là sáng kiến và các đối tượng loại trừ được quy định tại Điều 3 của Nghị định 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ.

Điều 4. Phân loại sáng kiến.

1. Sáng kiến cấp cơ sở là sáng kiến được công nhận, áp dụng và phổ biến ở đơn vị công nhận sáng kiến.

2. Sáng kiến cấp tỉnh là sáng kiến được công nhận, áp dụng và phổ biến trong phạm vi toàn tỉnh trên lĩnh vực tác động của sáng kiến. Các sáng kiến này phải có hiệu quả cao, có khả năng áp dụng cho các đơn vị khác.

**Chương II
NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN**

Điều 5. Điều kiện công nhận sáng kiến

Sáng kiến được công nhận nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

1. Có tính mới: Là giải pháp lần đầu tiên được tạo ra hoặc cải tiến; được áp dụng trong phạm vi cơ sở (đối với sáng kiến cấp cơ sở) hoặc trong phạm vi toàn tỉnh trên lĩnh vực tác động của sáng kiến (đối với sáng kiến cấp tỉnh) và phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Chưa bộc lộ công khai trong các văn bản, sách báo, tài liệu kỹ thuật đến mức căn cứ vào đó có thể thực hiện ngay được.

- Không trùng với giải pháp của người khác đã được áp dụng hoặc áp dụng thử, hoặc đưa vào kế hoạch áp dụng, phổ biến hoặc chuẩn bị các điều kiện để áp dụng, phổ biến.

- Chưa được quy định thành tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm bắt buộc phải thực hiện.

- Không trùng với nội dung của các sáng kiến đã được nộp trước.

2. Đã được áp dụng hoặc áp dụng thử tại cơ sở đó và có khả năng mang lại lợi ích thiết thực: Giải pháp được coi là sáng kiến nếu giải pháp đó đã được áp dụng hoặc áp dụng thử nghiệm, sản xuất thử và được chứng minh là mang lại hiệu quả cao hơn so với giải pháp tương tự đã biết, về:

- Hiệu quả kinh tế (nâng cao năng suất lao động, hiệu quả trong quản lý, giảm chi phí sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, nâng cao hiệu quả kỹ thuật);

- Hiệu quả xã hội (nâng cao điều kiện an toàn lao động, cải tạo điều kiện sống, làm việc, môi trường, sức khỏe...);

- Có khả năng nhân rộng trên lĩnh vực tác động của sáng kiến.

Điều 6. Đối tượng được công nhận sáng kiến.

1. Sáng kiến là giải pháp kỹ thuật, giải pháp tác nghiệp, giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật được quy định cụ thể tại khoản 1, khoản 3, khoản 4 Điều 3 Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01/8/2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Sáng kiến là giải pháp quản lý: cách thức tổ chức, điều hành công việc thuộc bất kỳ lĩnh vực hoạt động nào, trong đó có:

- a) Phương pháp tổ chức công việc (ví dụ: bố trí nhân lực, máy móc, thiết bị, dụng cụ, nguyên liệu, vật liệu, kinh doanh; sản xuất, thương mại, dịch vụ...).

- b) Phương pháp điều hành, kiểm tra, giám sát công việc, như:

- Giải pháp trong việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật mới hoặc cụ thể hóa chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước và đoàn thể vào hoạt động thực tiễn của cơ quan, đơn vị, địa phương hoặc toàn tỉnh được cấp thẩm quyền quyết định đưa vào thực hiện, được đánh giá là mang lại hiệu quả, lợi ích thiết thực sau khi triển khai thực hiện.

- Giải pháp, biện pháp quản lý tài sản, tài chính công, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Giải pháp, biện pháp bảo tồn phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc, các làng nghề truyền thống, xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, xây dựng nông thôn mới.

- Giải pháp trong tổ chức các phong trào thi đua, các cuộc vận động để triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Điều 7. Các trường hợp được đặc cách công nhận sáng kiến cấp tỉnh.

1. Các trường hợp được đặc cách công nhận sáng kiến cấp tỉnh phải đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Giải pháp là đề tài, dự án nghiên cứu, ứng dụng khoa học cấp tỉnh, bộ, ngành, Trung ương được nghiệm thu, đánh giá đạt trở lên.

b) Giải pháp đạt giải Nhất trong các Hội thi, Cuộc thi sáng tạo kỹ thuật ở cấp tỉnh trở lên và trong các cuộc thi về chuyên môn trong toàn tỉnh.

c) Giải pháp đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong các cuộc thi toàn quốc do các bộ, ngành ở Trung ương tổ chức.

d) Giải pháp là đề tài bảo vệ luận án Tiến sĩ được triển khai nghiên cứu, thực hiện tại tỉnh đã được nghiệm thu, đánh giá ở mức đạt trở lên.

e) Bằng lao động sáng tạo do Tổng Liên đoàn Lao động cấp.

2. Thường trực Hội đồng báo cáo các trường hợp đặc cách công nhận sáng kiến cấp tỉnh trong kỳ họp để Hội đồng quyết định.

Chương III HỘI ĐỒNG SÁNG KIẾN

Điều 8. Hội đồng sáng kiến.

1. Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh:

Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh do Chủ tịch UBND tỉnh ra quyết định thành lập:

a) Thành viên hoạt động ổn định gồm: Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch và các ủy viên Hội đồng, cụ thể:

- Chủ tịch Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh là Phó Chủ tịch UBND tỉnh;

- Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh là Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ

- Phó chủ tịch Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh là Trưởng Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh;

- Các ủy viên gồm: Đại diện các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh có liên quan;

Khi cần thiết Chủ tịch Hội đồng sáng kiến có thể mời một số chuyên gia có chuyên môn về lĩnh vực có sáng kiến làm tư vấn cho Hội đồng.

b) Cá nhân đăng ký tác giả sáng kiến và những người tham gia tạo ra sáng kiến thì không được tham gia là thành viên chuyên ngành của Hội đồng.

c) Tổ thư ký giúp việc Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh gồm:

- Thư ký Hội đồng: 01 chuyên viên Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh và 01 chuyên viên Sở Khoa học và Công nghệ.

d) Cơ quan thường trực Hội đồng sáng kiến tỉnh là Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở:

a) Thủ trưởng các cơ quan Đảng; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Thủ trưởng các sở, ban, ngành và đoàn thể; các tổ chức, doanh nghiệp quyết định thành lập Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở để xét duyệt, công nhận sáng kiến trong phạm vi cơ quan, đơn vị mình phụ trách.

b) Thường trực Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở là cơ quan (hoặc bộ phận) Thường trực Hội đồng Khoa học và Công nghệ cùng cấp.

c) Thành phần, số lượng thành viên Hội đồng:

- Số lượng, thành viên Hội đồng do người có thẩm quyền quyết định thành lập Hội đồng quyết định.

- Thành phần Hội đồng sáng kiến gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng, Ủy viên, thư ký, đại diện của tổ chức Công đoàn nơi tác giả là công đoàn viên (nếu có) và các thành phần khác theo quyết định của người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến.

d) Cá nhân đăng ký tác giả sáng kiến và những người tham gia tạo ra sáng kiến thì không được tham gia là thành viên chuyên ngành của Hội đồng.

đ) Trường hợp sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí phương tiện vật chất - kỹ thuật và người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến chính là tác giả sáng kiến, thì người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến không được là thành viên của Hội đồng sáng kiến.

Điều 9. Nhiệm vụ của Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh và cấp cơ sở.

1. Hội đồng sáng kiến có nhiệm vụ tổ chức đánh giá một cách khách quan, trung thực giải pháp được yêu cầu công nhận sáng kiến theo các điều kiện quy định tại Điều 5 và Điều 6 của Quy định này, lập báo cáo đánh giá, trong đó phản ánh đầy đủ ý kiến của các thành viên, kết quả biểu quyết của Hội đồng.

2. Giúp Chủ tịch UBND tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan Đảng; Chủ tịch UBND huyện, thành phố, thị xã; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể; các tổ chức, doanh nghiệp tập hợp, xem xét, kiểm tra và thẩm định hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến hoặc làm các thủ tục cho rút đơn yêu cầu công nhận sáng kiến khi người đã nộp đơn có yêu cầu.

3. Tổ chức xét duyệt, hoàn tất thủ tục hợp xét sáng kiến và thẩm tra, xác minh sáng kiến.

4. Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về giữ bí mật, công bố thông tin có liên quan đến sáng kiến là đối tượng được xét duyệt, công nhận.

Điều 10. Nhiệm vụ của các thành viên Hội đồng, Tổ thư ký và Tổ thẩm định sáng kiến cấp tỉnh và cấp cơ sở.

1. Các thành viên Hội đồng có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Chủ tịch Hội đồng: Phụ trách chung, chủ trì điều hành và kết luận nội dung của các phiên họp, chỉ đạo giải quyết các công việc của Hội đồng, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan Đảng; Chủ tịch UBND huyện, thành phố, thị xã; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể; các tổ chức, doanh nghiệp về mọi hoạt động của Hội đồng.

b) Các Phó Chủ tịch Hội đồng:

- Giúp Chủ tịch Hội đồng triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng theo lĩnh vực quản lý và đơn đốc kiểm tra thực hiện. Thay mặt Chủ tịch Hội đồng chỉ đạo triển khai thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng khi Chủ tịch Hội đồng đi vắng hoặc uỷ quyền.

- Chỉ đạo công tác chuẩn bị nội dung, chương trình họp; sao gửi Hồ sơ sáng kiến kèm theo công văn trung cầu ý kiến bằng văn bản gửi các thành viên Hội đồng và các chuyên gia phản biện (nếu có); tổng hợp và hoàn tất thủ tục hồ sơ sáng kiến trước khi trình Hội đồng sáng kiến tỉnh họp xét.

c) Ủy viên Hội đồng: Làm việc theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng; có trách nhiệm đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác họp xét sáng kiến; nghiên cứu các hồ sơ, tài liệu liên quan và tham gia ý kiến cho từng nội dung cụ thể. Các ý kiến đánh giá phải thể hiện bằng văn bản, có ý kiến nhận xét của các thành viên Hội đồng được lưu trong hồ sơ từng sáng kiến.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ thư ký Hội đồng:

- Chuẩn bị nội dung, chương trình và tài liệu cần thiết phục vụ cho các kỳ họp của Hội đồng.

- Gửi tài liệu cho các thành viên Hội đồng cấp tỉnh trước ngày họp ít nhất 07 ngày làm việc, cấp cơ sở 04 ngày đối với các cuộc họp định kỳ; trước 01 ngày đối với cuộc họp đột xuất để các thành viên Hội đồng biết và chuẩn bị tài liệu họp xét.

- Ghi biên bản nội dung của từng cuộc họp Hội đồng, tổng hợp và dự thảo thông báo kết quả cuộc họp đảm bảo chính xác, kịp thời.

Điều 11. Chế độ làm việc của Hội đồng.

1. Chế độ làm việc của Hội đồng sáng kiến:

a) Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh họp xét duyệt hồ sơ công nhận sáng kiến định kỳ vào tháng 07 và tháng 01 của năm sau hoặc tùy thuộc vào điều kiện thực tế Chủ tịch Hội đồng sáng kiến quyết định thời gian họp để đảm bảo cho việc công nhận các danh hiệu thi đua hàng năm. Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở họp xét duyệt hồ sơ công nhận sáng kiến hàng năm cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trước họp định kỳ của Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh 01 tháng (tháng 6 và tháng 12 hàng năm).

Chủ tịch Hội đồng sáng kiến triệu tập và chủ trì các cuộc họp định kỳ, nếu Chủ tịch Hội đồng vắng mặt thì có thể ủy quyền cho Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng chủ trì. Nội dung, tài liệu các cuộc họp do cơ quan Thường trực Hội đồng chuẩn bị. Các cuộc họp đột xuất do Chủ tịch Hội đồng triệu tập căn cứ vào yêu cầu cụ thể của công việc.

b) Các thành viên Hội đồng có nhiệm vụ tham dự đầy đủ các kỳ họp, trong trường hợp đặc biệt không tham dự được phải báo cáo Chủ tịch Hội đồng (qua cơ quan Thường trực) và phải gửi phiếu nhận xét đánh giá đến cơ quan thường trực của Hội đồng trước khi họp. Các cuộc họp xét của Hội đồng chỉ được coi là hợp lệ khi có ít nhất 2/3 số thành viên dự họp.

c) Hội đồng sáng kiến làm việc theo chế độ tập thể, áp dụng nguyên tắc biểu quyết hoặc bỏ phiếu kín. Sáng kiến được công nhận phải được ít nhất 2/3 ý kiến đồng ý của các thành viên Hội đồng.

Trong trường hợp tỷ lệ biểu quyết ngang nhau thì Hội đồng quyết định theo bên có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng, các ý kiến khác của thành viên Hội đồng được bảo lưu.

Điều 12. Dự toán kinh phí hoạt động của Hội đồng sáng kiến.

1. Nguồn kinh phí hoạt động: Kinh phí hoạt động của Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở, cấp tỉnh thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

2. Nội dung:

a) Chi cho việc tổ chức tập huấn, hướng dẫn các cơ sở về hoạt động sáng kiến.

b) Chi cho việc tổng hợp, phân loại hồ sơ sáng kiến phục vụ họp Hội đồng.

c) Chi cho việc chuẩn bị tài liệu, tư liệu, chế độ và các điều kiện làm việc của Hội đồng.

d) Chi hỗ trợ tiền nghiên cứu, thuê chuyên gia độc lập đánh giá, thẩm định hồ sơ phục vụ các cuộc họp của Hội đồng; chi phục vụ công tác đánh giá hiệu quả ứng dụng sáng kiến tại cơ sở và công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện theo quy định hiện hành.

- e) Chi văn phòng phẩm, in ấn tài liệu, Giấy chứng nhận sáng kiến.
 - f) Chi tổ chức Lễ trao Giấy chứng nhận sáng kiến cho các tác giả được công nhận, đảm bảo trang trọng nhằm tôn vinh các tác giả có thành tích trong hoạt động sáng kiến.
 - g) Các nội dung khác phục vụ hoạt động sáng kiến của tỉnh.
3. Hội đồng Sáng kiến cấp cơ sở căn cứ nội dung và mức chi của Hội đồng cấp tỉnh để thực hiện, nhưng không vượt quá mức chi của tỉnh.

Chương IV

THẨM QUYỀN, THỦ TỤC, TRÌNH TỰ XÉT, CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN

Điều 13. Thẩm quyền công nhận sáng kiến.

1. Thẩm quyền công nhận sáng kiến cấp cơ sở: Thủ trưởng (hoặc người được ủy quyền) các cơ quan Đảng; UBND huyện, thành phố, thị xã; các sở, ban, ngành, đoàn thể; các tổ chức, doanh nghiệp nơi tiếp nhận đăng ký sáng kiến hoặc có sáng kiến áp dụng.

2. Thẩm quyền công nhận sáng kiến cấp tỉnh là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND tỉnh (trường hợp được Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền).

Điều 14. Hồ sơ công nhận sáng kiến.

1. Hồ sơ công nhận sáng kiến, gồm:

a) Đơn đề nghị công nhận sáng kiến cấp tỉnh (*theo Phụ lục I kèm theo quy định này*);

b) Báo cáo tóm tắt giải pháp và hiệu quả của sáng kiến (*theo Phụ lục II kèm theo quy định này*);

c) Bản báo cáo sáng kiến của cá nhân, có xác nhận của thủ trưởng cơ quan trình khen thưởng (*theo Phụ lục III kèm theo quy định này*).

d) Trường hợp yêu cầu công nhận sáng kiến cấp tỉnh mà các tác giả sáng kiến đang công tác tại các cơ quan Đảng, cơ quan hành chính nhà nước, các đơn vị sự nghiệp và đoàn thể; các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh thì ngoài đơn yêu cầu công nhận sáng kiến cấp tỉnh cần có thêm các tài liệu sau:

- Quyết định công nhận sáng kiến cấp cơ sở của cơ quan, đơn vị đề nghị;
- Tờ trình của cơ quan, đơn vị đề nghị Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh xét, công nhận cho các cá nhân của đơn vị.

e) Trường hợp các tác giả sáng kiến không thuộc quy định tại điểm d, khoản 1, Điều này. Hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến cấp tỉnh phải có xác nhận của cấp chính quyền địa phương.

2. Số lượng hồ sơ:

- Cấp cơ sở: 01 bộ gửi về Thường trực Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở.
- Cấp tỉnh: 02 bộ gửi về Cơ quan Thường trực Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh.

Điều 15. Thời gian tiếp nhận hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến.

1. Cấp cơ sở: Do cơ sở quyết định để đảm bảo cho việc công nhận sáng kiến hằng năm cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

2. Cấp tỉnh: Thời gian tiếp nhận đơn yêu cầu công nhận sáng kiến 2 đợt:

- Đợt 1: Từ ngày 01/5 đến ngày 15/6 hằng năm;
- Đợt 2: Từ ngày 01/10 đến ngày 15/11 hằng năm.

3. Thời gian xét công nhận sáng kiến cấp tỉnh: Chậm nhất sau 60 ngày kể từ ngày hết thời hạn nhận đơn theo mỗi đợt.

Điều 16. Trình tự tiếp nhận, xem xét đơn và xét công nhận sáng kiến cấp cơ sở và cấp tỉnh.

1. Tiếp nhận, xem xét hồ sơ công nhận sáng kiến:

a) Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến, trường hợp hồ sơ không đầy đủ, không phù hợp theo quy định thì thông báo bằng văn bản cho tác giả sáng kiến biết qua đơn vị trình, trong đó nêu rõ lý do và ấn định thời hạn để tác giả sửa chữa, bổ sung gửi lại;

b) Vào sổ tiếp nhận đơn yêu cầu công nhận sáng kiến và cấp Giấy biên nhận đơn yêu cầu công nhận sáng kiến theo mẫu quy định tại Phụ lục II Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN.

2. Trình tự xét công nhận sáng kiến:

a) Tổ thư ký tổng hợp, phân loại, rà soát, thẩm định sơ bộ và tóm tắt nội dung sáng kiến thông qua Thường trực Hội đồng.

b) Cơ quan Thường trực Hội đồng sáng kiến sao gửi hồ sơ sáng kiến kèm theo công văn xin ý kiến gửi cho các thành viên Hội đồng sáng kiến và các chuyên gia phản biện (nếu có) nghiên cứu trước khi họp Hội đồng 07 ngày làm việc.

c) Họp xét, đánh giá sáng kiến:

- Thường trực Hội đồng báo cáo tóm tắt nội dung, hiệu quả và phạm vi ảnh hưởng của từng sáng kiến;

- Các thành viên Hội đồng hoặc chuyên gia phản biện (nếu có) nhận xét đánh giá, phản biện;

- Chủ tịch Hội đồng sáng kiến tóm tắt, kết luận nhận xét, đánh giá sáng kiến;

- Đối với những sáng kiến yêu cầu có phản biện thì phải dựa trên kết quả phản biện, đánh giá của các chuyên gia phản biện để nhận xét, đánh giá, biểu quyết;

- Hội đồng tiến hành biểu quyết và Chủ tịch Hội đồng kết luận thông qua sáng kiến đủ điều kiện công nhận.

d) Thư ký Hội đồng lập và thông qua biên bản họp xét sáng kiến.

Điều 17. Công nhận sáng kiến.

1. Công nhận sáng kiến cấp cơ sở:

a) Căn cứ kết quả xét công nhận sáng kiến, thường trực Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở hoàn tất thủ tục trình Thủ trưởng đơn vị ra quyết định công nhận sáng kiến.

b) Sáng kiến cấp cơ sở được công nhận hàng năm.

2. Công nhận sáng kiến cấp tỉnh:

a) Căn cứ kết quả xét công nhận sáng kiến của Hội đồng, Thường trực Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh hoàn tất thủ tục trình Chủ tịch UBND tỉnh ra quyết định công nhận và cấp giấy chứng nhận sáng kiến.

b) Giấy chứng nhận sáng kiến cấp tỉnh được cấp cho cá nhân có sáng kiến. Đối với sáng kiến của một tập thể tác giả (đồng tác giả) thì giấy chứng nhận sáng kiến được cấp có ghi tên từng người.

c) Sáng kiến cấp tỉnh được công nhận hàng năm.

3. Xét chấp thuận việc công nhận sáng kiến do Nhà nước đầu tư: Thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01/8/2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

4. Mẫu giấy chứng nhận để công nhận sáng kiến cấp cơ sở, cấp tỉnh thực hiện theo Phụ lục III Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01/8/2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

5. Hủy bỏ quyết định công nhận sáng kiến thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01/8/2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Chương V

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHỦ ĐẦU TƯ TẠO RA SÁNG KIẾN, TÁC GIẢ SÁNG KIẾN VÀ NGƯỜI THAM GIA TỔ CHỨC ÁP DỤNG SÁNG KIẾN LẦN ĐẦU

Điều 18. Quyền của chủ đầu tư tạo ra sáng kiến; tác giả sáng kiến và người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu.

1. Đối với sáng kiến đã được công nhận, chủ đầu tư tạo ra sáng kiến có các quyền sau đây:

a) Áp dụng sáng kiến.

b) Chuyển giao sáng kiến cho tổ chức, cá nhân khác áp dụng theo quy định của pháp luật.

2. Đối với sáng kiến đã được công nhận, tác giả sáng kiến có các quyền sau đây:

a) Được ghi nhận là tác giả sáng kiến trong Giấy chứng nhận sáng kiến và được nêu danh tác giả sáng kiến khi sáng kiến được phổ biến, giới thiệu;

b) Nhận thù lao theo quy định tại Điều 19 của quy định này;

c) Hưởng các chế độ khuyến khích khác theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng và pháp luật về khoa học và công nghệ;

d) Áp dụng và chuyển giao sáng kiến cho tổ chức, cá nhân khác, trừ trường hợp sáng kiến là đối tượng thuộc quyền sở hữu trí tuệ của chủ đầu tư tạo ra sáng kiến và trường hợp giữa tác giả sáng kiến và chủ đầu tư tạo ra sáng kiến có thỏa thuận khác;

đ) Các quyền quy định tại khoản 1 Điều này, trong trường hợp tác giả sáng kiến đồng thời là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến.

3. Đối với sáng kiến đã được công nhận, người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu có quyền nhận thù lao theo quy định tại Điều 19 của quy định này.

4. Việc áp dụng, chuyển giao sáng kiến quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này không được vi phạm quyền sở hữu trí tuệ đang được bảo hộ, các quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác và không được trái với quy định của pháp luật.

Điều 19. Nghĩa vụ trả thù lao cho tác giả sáng kiến và người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu.

Quy định về nghĩa vụ trả thù lao cho tác giả sáng kiến và người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu được thực hiện theo Điều 10 của Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ về ban hành Điều lệ sáng kiến;

Điều 20. Xác định giá trị làm lợi do áp dụng sáng kiến.

1. Giá trị làm lợi do áp dụng sáng kiến là tổng số tiền tiết kiệm được từ tất cả các nguồn lực (ví dụ: nhân lực, thời gian, chi phí, công đoạn, quy trình làm việc, tiền vốn, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, năng lượng, khấu hao tài sản cố định) trực tiếp

đạt được từ việc áp dụng sáng kiến, sau khi đã trừ các chi phí phát sinh do việc áp dụng sáng kiến.

2. Lợi ích trực tiếp được xác định trên cơ sở so sánh thực trạng kinh tế, kỹ thuật trước và sau khi áp dụng sáng kiến.

3. Tiền làm lợi gián tiếp từ việc áp dụng sáng kiến, bao gồm khoản tiết kiệm được từ những khoản không phải là chi phí trực tiếp cho quá trình áp dụng sáng kiến hoặc tiền làm lợi thu được từ việc tiếp tục sử dụng các nguồn lực (ví dụ: nhân lực, tiền vốn, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu) đã tiết kiệm được do áp dụng sáng kiến, đều không được tính khi xác định tiền làm lợi.

Điều 21. Nghĩa vụ của tác giả sáng kiến và người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu.

Quy định về nghĩa vụ của tác giả sáng kiến và người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu được thực hiện theo Điều 12 của Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ về ban hành Điều lệ sáng kiến;

Điều 22. Quyền và nghĩa vụ liên quan đến sáng kiến được bảo hộ sở hữu trí tuệ.

Trong trường hợp sáng kiến đã được công nhận nhưng sau đó lại được bảo hộ sở hữu trí tuệ thì áp dụng các quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ từ thời điểm quyền sở hữu trí tuệ được xác lập hoặc phát sinh.

Chương VI

CÁC BIỆN PHÁP THÚC ĐẨY HOẠT ĐỘNG SÁNG KIẾN, THÔNG TIN, ÁP DỤNG SÁNG KIẾN, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 23. Phổ biến sáng kiến.

1. Các cơ quan Đảng, đoàn thể; Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; các tổ chức, doanh nghiệp có trách nhiệm thực hiện các biện pháp sau đây để phổ biến sáng kiến thuộc lĩnh vực quản lý của mình:

a) Tổ chức dịch vụ môi giới chuyển giao sáng kiến và các hình thức giao dịch về sáng kiến (hội chợ, triển lãm...) hỗ trợ việc chuyển giao sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật hoặc sáng kiến của cá nhân, tổ chức không có đủ năng lực để áp dụng.

b) Hỗ trợ việc triển khai áp dụng sáng kiến lần đầu, thỏa thuận và phối hợp với chủ đầu tư tạo ra sáng kiến để công bố, phổ biến, áp dụng rộng rãi đối với những sáng kiến có khả năng áp dụng rộng rãi và mang lại lợi ích to lớn cho xã hội.

c) Công bố, phổ biến, áp dụng rộng rãi các sáng kiến là giải pháp quản lý và giải pháp tác nghiệp trong lĩnh vực quản lý hành chính, sự nghiệp của Nhà nước và các sáng kiến tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật.

2. Cơ quan, tổ chức trực tiếp cung cấp dịch vụ môi giới được thu phí môi giới theo mức thỏa thuận với chủ đầu tư tạo ra sáng kiến.

Điều 24. Khuyến khích phong trào thi đua lao động sáng tạo.

1. Các cơ quan Đảng, đoàn thể; Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; các tổ chức, doanh nghiệp phối hợp với các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên và Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tổ chức thực hiện các biện pháp sau đây nhằm khuyến khích quần chúng tham gia các phong trào thi đua sáng tạo:

a) Tổ chức, tham gia các hội thi sáng tạo, triển lãm kết quả lao động sáng tạo, tổng kết và khen thưởng hoạt động sáng kiến hàng năm và các hoạt động khác để tôn vinh tổ chức, cá nhân điển hình và biểu dương các sáng kiến có thể áp dụng rộng rãi và mang lại lợi ích thiết thực cho xã hội.

b) Tổ chức các diễn đàn cho hoạt động sáng kiến, như trang tin điện tử, câu lạc bộ sáng tạo; phổ biến, tuyên truyền về các tổ chức, cá nhân điển hình trong phong trào thi đua sáng tạo.

2. Cơ quan, đơn vị, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có thể áp dụng các biện pháp sau đây để khuyến khích tác giả sáng kiến:

a) Ưu tiên xem xét, cấp kinh phí và tạo điều kiện thuận lợi cho việc nghiên cứu phát triển và hoàn thiện, áp dụng sáng kiến.

b) Ưu tiên xem xét nâng lương, nâng bậc thợ, đào tạo nâng cao trình độ và hưởng các chế độ phúc lợi khác cho tác giả sáng kiến.

3. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh, Liên hiệp các Hội KHKT tỉnh và Tỉnh Đoàn Hà Tĩnh tổ chức tổng kết, khen thưởng hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh.

4. UBND các huyện, thành phố, thị xã, các ngành chuyên môn thuộc UBND tỉnh tổ chức tổng kết hoạt động sáng kiến thuộc phạm vi quản lý của ngành, đơn vị mình.

Điều 25. Thông tin, áp dụng sáng kiến.

1. Đối với những sáng kiến có khả năng áp dụng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh tác giả sáng kiến và Thủ trưởng đơn vị có sáng kiến có trách nhiệm cung cấp nội dung và lợi ích của sáng kiến cho các đơn vị khác trong tỉnh áp dụng sáng kiến đó theo quy định hiện hành.

2. Thủ trưởng các cơ quan Đảng, đoàn thể; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; các tổ chức, doanh nghiệp sau khi có Quyết định công nhận sáng kiến, có trách nhiệm thông tin và phổ biến, áp dụng sáng kiến trong cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 26. Khen thưởng và xử lý vi phạm.

1. Căn cứ vào Luật Thi đua, Khen thưởng và các quy định hiện hành về công tác thi đua, khen thưởng Thủ trưởng các cơ quan Đảng, đoàn thể; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; các tổ chức, doanh nghiệp tổ chức khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng cho các tác giả sáng kiến.

2. Các cá nhân, tổ chức, cơ quan, đơn vị có hành vi vi phạm các quy định của pháp luật liên quan đến sáng kiến và Quy định này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương VII QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HOẠT ĐỘNG SÁNG KIẾN

Điều 27. Trách nhiệm quản lý nhà nước về sáng kiến.

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã tham mưu giúp

UBND tỉnh quản lý nhà nước về hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh và có trách nhiệm sau đây:

a) Tham mưu, trình cấp có thẩm quyền ban hành các quy định, chính sách, kế hoạch phát triển hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh.

b) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn thực hiện chính sách, pháp luật và kiến thức cơ bản về nội dung hoạt động sáng kiến cho các cá nhân, tổ chức trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo nghiệp vụ và tổ chức bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về hoạt động sáng kiến cho các cán bộ theo dõi, quản lý hoạt động sáng kiến thuộc các ngành, địa phương và cơ sở. Thực hiện các biện pháp nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động sáng kiến của địa phương.

c) Hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tiến hành đăng ký, triển khai, áp dụng, chuyển giao và bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với các sáng kiến có khả năng được bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp tại Việt Nam và nước ngoài.

d) Thực hiện các biện pháp thúc đẩy phong trào quần chúng thi đua sáng tạo và phát huy sáng kiến; phổ biến, nhân rộng việc áp dụng các sáng kiến được tạo ra.

đ) Tổ chức thanh tra, kiểm tra, việc thực hiện chính sách, chấp hành pháp luật về sáng kiến tại các tổ chức, cơ sở thuộc phạm vi quản lý của mình và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về hoạt động sáng kiến theo quy định hiện hành; bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Nhà nước, của tổ chức và cá nhân trong hoạt động sáng kiến.

e) Định kỳ hàng năm tổ chức sơ kết, tổng kết hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh. Tổng hợp hoạt động sáng kiến của các cấp, các ngành, các tổ chức và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định.

Điều 28. Quản lý hoạt động sáng kiến trong các cơ quan, tổ chức nhà nước và doanh nghiệp.

1. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức của Nhà nước, tùy theo tình hình thực tế, có trách nhiệm thành lập bộ phận chuyên trách về sáng kiến, Hội đồng sáng kiến hoặc chỉ định bộ phận bán chuyên trách (phụ trách kỹ thuật, kế hoạch, kinh doanh, Hội đồng KHCN,...) thực hiện chức năng quản lý hoạt động sáng kiến trong phạm vi cơ quan, tổ chức mình.

2. Có nhiệm vụ xây dựng và ban hành các văn bản hướng dẫn, quản lý hoạt động sáng kiến ở cấp cơ sở phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị mình.

3. Tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký, áp dụng và công nhận sáng kiến theo quy định tại Quy định này.

4. Thực hiện các biện pháp khuyến khích tác giả sáng kiến, người đăng ký áp dụng sáng kiến và đẩy mạnh phong trào thi đua sáng tạo trong cơ quan, tổ chức mình. Bảo vệ quyền lợi hợp pháp của của tổ chức và cá nhân trong hoạt động sáng kiến theo quy định của Nhà nước.

5. Tổ chức thi hành các văn bản pháp luật và các chính sách về sáng kiến.

Điều 29. Trách nhiệm của các sở, ngành, đoàn thể và doanh nghiệp.

1. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình các sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo và quản lý hoạt động sáng kiến.

2. Kiến nghị với Sở Khoa học và Công nghệ các biện pháp cụ thể để triển khai việc thi hành các chính sách của Nhà nước về hoạt động sáng kiến và tổ chức thực hiện các biện pháp đó; lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển hoạt động sáng kiến.

3. Phổ biến các sáng kiến đã được cấp có thẩm quyền công nhận nhằm khuyến khích phong trào lao động, phát huy sáng kiến của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong ngành, đơn vị.

4. Tuyên truyền phổ biến pháp luật, chính sách của nhà nước và của tỉnh về hoạt động sáng kiến.

5. Thực hiện chế độ báo cáo theo định kỳ 6 tháng, hàng năm cho Sở Khoa học và Công nghệ về tình hình hoạt động sáng kiến theo mẫu tại phụ lục IV Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN.

Điều 30. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã.

Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã trong phạm vi quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong quản lý các hoạt động sáng kiến thuộc phạm vi quản lý:

1. Tổ chức quản lý các hoạt động sáng kiến trên địa bàn theo đúng quy định của pháp luật.

2. Xây dựng kế hoạch và triển khai đào tạo, tập huấn về các văn bản quy phạm pháp luật về sáng kiến cho tổ chức, cá nhân trong việc tiếp cận, tìm hiểu, chấp hành các văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động sáng kiến.

3. Thực hiện chế độ báo cáo theo định kỳ 6 tháng, hàng năm cho Sở Khoa học và Công nghệ về tình hình hoạt động sáng kiến theo mẫu tại Phụ lục IV Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01/8/2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

4. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong việc thanh tra, kiểm tra về hoạt động sáng kiến trên địa bàn quản lý.

Điều 31. Nội dung cơ chế phối hợp hoạt động.

Theo yêu cầu và nhiệm vụ cụ thể các cơ quan Đảng; Sở, ban, ngành và đoàn thể; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm phối hợp trong quản lý nhà nước về hoạt động sáng kiến cụ thể:

1. Phân công cán bộ lãnh đạo phụ trách và chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về sáng kiến, đồng thời làm đầu mối phối hợp công tác với các đơn vị có liên quan.

2. Tham dự các phiên họp về sáng kiến do Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ triệu tập và chuẩn bị các tài liệu cần thiết theo yêu cầu.

3. Các cơ quan có thể yêu cầu Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức đào tạo, tập huấn, tuyên truyền cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động nhằm nâng cao năng lực quản lý, chuyên môn nghiệp vụ, tạo ra nhiều sáng kiến có khả năng áp dụng và mang lại hiệu quả thiết thực.

4. Xây dựng kế hoạch, xác định mục tiêu và nhiệm vụ hoạt động sáng kiến hàng năm để động viên khuyến khích cán bộ, công chức nghiên cứu, đề xuất các sáng kiến để đăng ký nội dung đề nghị xét công nhận sáng kiến theo quy định.

6. Thực hiện thống nhất, đồng bộ các biện pháp tuyên truyền các chính sách về sáng kiến và đẩy mạnh phong trào thi đua sáng tạo có chất lượng và hiệu quả.

Chương VIII TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 32. Tổ chức thực hiện.

1. Hội đồng xét công nhận sáng kiến các cấp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Phụ lục I
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN CẤP TỈNH

Kính gửi: Hội đồng xét, công nhận sáng kiến cấp tỉnh

1. Tên sáng kiến:

2. Tác giả sáng kiến:

- Họ tên:.....
- Cơ quan, đơn vị:.....
- Địa chỉ:.....
- Điện thoại:.....
- Fax:Email:.....

3. Đồng tác giả sáng kiến: (nếu có)

TT	Họ và tên tác giả	Ngày sinh	Nơi công tác hoặc nơi ở	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ % đóng góp vào việc tạo ra sáng kiến	Ký tên
...						

4. Chủ đầu tư tạo ra sáng kiến (trường hợp tác giả không đồng thời là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến).....

5. Lĩnh vực áp dụng sáng kiến:

6. Ngày sáng kiến được áp dụng lần đầu, hoặc áp dụng thử (ghi ngày nào sớm hơn):

7. Các hồ sơ kèm theo:

7.1. Báo cáo tóm tắt giải pháp sáng kiến (02 bộ);

7.2. Báo cáo sáng kiến (02 bộ);

7.3. Các tài liệu khác kèm theo

Xác nhận của cơ quan
(Ký tên và đóng dấu)

Tác giả sáng kiến
Ký, ghi rõ họ tên

2. Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo thực hiện Quy định này và tạo điều kiện để cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, thuộc phạm vi đơn vị, doanh nghiệp quản lý, phát huy tính chủ động sáng tạo, có nhiều sáng kiến mới đạt hiệu quả cao, được công nhận sáng kiến ở các cấp.

3. Cơ quan thường trực Hội đồng sáng kiến các cấp chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Quy định này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, hoặc có vấn đề phát sinh, đề nghị cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Võ Kim Cự

Phụ lục II

MẪU BÁO CÁO TÓM TẮT SÁNG KIẾN

1. Tên sáng kiến: *(Ghi giống trong đơn đăng ký sáng kiến)*
2. Mô tả ngắn gọn các giải pháp cũ thường làm *(Nêu rõ những nhược điểm cần khắc phục)*
3. Mục đích của giải pháp sáng kiến: *(nêu rõ mục đích khắc phục các nhược điểm của giải pháp cũ hoặc mục đích của giải pháp mới do mình tạo ra)*
4. Bản mô tả giải pháp sáng kiến:
 - 4.1. Thuyết minh giải pháp mới, cải tiến *(giải pháp mới hoàn toàn hoặc đã được mô tả nhưng chưa được áp dụng hay cải tiến từ cái đã có);*
 - 4.2. Thuyết minh về khả năng áp dụng sáng kiến *(đánh giá triển vọng của việc áp dụng với quy mô rộng rãi; mô tả cụ thể các bước tiến hành và những điều kiện cơ bản, bài học kinh nghiệm để căn cứ vào đó có thể thực hiện được sáng kiến);*
 - 4.3. Thuyết minh về lợi ích kinh tế, xã hội của sáng kiến *(đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội sáng kiến mang lại, dẫn chứng số liệu và kết quả phân tích về hiệu quả đó; nêu ý nghĩa của việc áp dụng sáng kiến);*
 - 4.4. Các tài liệu khác gửi kèm theo: Sơ đồ công nghệ, hình vẽ, ảnh chụp, mô hình, sản phẩm chế thử,...
 - 4.5. Cam kết không sao chép hoặc vi phạm bản quyền.

DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI ĐÃ THAM GIA ÁP DỤNG THỬ HOẶC ÁP DỤNG SÁNG KIẾN LẦN ĐẦU (NẾU CÓ)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi công tác hoặc nơi ở	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Nội dung công việc hỗ trợ

Tác giả sáng kiến
Ký và ghi rõ họ tên

Phụ lục III

MẪU BÁO CÁO SÁNG KIẾN

-	Bìa
-	Trang phụ bìa
-	Mục lục
-	Danh mục chữ cái viết tắt
-	Bản cam kết là tác giả tạo ra sáng kiến (Báo cáo tóm tắt sáng kiến)
Phần mở đầu	
I.	Bối cảnh của đề tài/giải pháp: <i>trình bày tóm tắt về không gian, thời gian, thời gian, thực trạng của việc thực hiện đề tài, tổng quan những thông tin về vấn đề cần nghiên cứu.</i>
II.	Lý do chọn đề tài/giải pháp: <i>sáng kiến nhằm giải quyết vấn đề gì? vấn đề cần giải quyết có phải là vấn đề thiết thực gắn với nhiệm vụ được phân công, hay vấn đề cần giải quyết của ngành?</i>
III.	Phạm vi và đối tượng nghiên cứu: <i>Xác định phạm vi áp dụng đề tài, giới hạn lĩnh vực và đối tượng nghiên cứu.</i>
IV.	Mục đích nghiên cứu: <i>Giải quyết những mâu thuẫn, khó khăn gì có tính chất bức xúc trong lĩnh vực sáng kiến. Tác giả viết sáng kiến nhằm mục đích gì? (Nâng cao nghiệp vụ, trao đổi kinh nghiệm, tham gia nghiên cứu khoa học...). Đóng góp của sáng kiến về mặt thực tiễn, lý luận</i>
V.	Điểm mới trong kết quả nghiên cứu: <i>Mô tả ngắn gọn giải pháp kỹ thuật đã biết. Mô tả những điểm mới cơ bản của sáng kiến, tính ưu việt hơn so với giải pháp sẵn có; Khẳng định tính sáng tạo về mặt khoa học và thực tiễn (tác giả tự nghiên cứu, chưa được công bố, phổ biến, áp dụng chính thống).</i>
Phần nội dung	
I.	Cơ sở lý luận: <i>Trình bày tóm tắt những lý luận, lý thuyết đã được tổng kết về vấn đề sáng kiến, làm cơ sở cho việc định hướng nghiên cứu, tìm kiếm giải pháp, biện pháp cải tiến vấn đề.</i>
II.	Thực trạng của vấn đề: <i>Trình bày những sự kiện, mâu thuẫn, thuận lợi, khó khăn gặp phải trong vấn đề chọn sáng kiến, thúc đẩy chọn giải pháp cải tiến để đạt hiệu quả tốt hơn.</i>
III.	Các biện pháp đã tiến hành để giải quyết vấn đề: <i>Trình bày những biện pháp, các bước cụ thể tiến hành để giải quyết vấn đề, trong đó có nhận xét vai trò, tác dụng, hiệu quả của từng biện pháp và từng bước đó. Nêu rõ phương pháp thực hiện sáng kiến</i>
IV.	Hiệu quả mang lại của sáng kiến: <i>Đã áp dụng cho lĩnh vực, đối tượng nào? Kết quả cụ thể đạt được? những kinh nghiệm rút ra trong quá trình thực hiện, áp dụng sáng kiến.</i>
V.	<i>Khả năng ứng dụng và triển khai: của sáng kiến đối với phạm vi, lĩnh vực cụ thể, hướng phát triển của sáng kiến</i>
VI.	<i>Ý nghĩa của sáng kiến: đối với phạm vi, lĩnh vực áp dụng; lợi ích mang lại của sáng kiến.</i>

Phần kết luận

- | | |
|--|---|
| I. | Những bài học kinh nghiệm: <i>Bài học kinh nghiệm rút ra từ quá trình áp dụng sáng kiến của bản thân.</i> |
| II. | Những kiến nghị, đề xuất: <i>để sáng kiến áp dụng hiệu quả</i> |
| - Phụ lục (nếu có): các số liệu, hình vẽ, bảng biểu. | |
| - Tài liệu tham khảo | |